

**APPLICATION FOR STANDBY LETTER OF CREDIT /
GUARANTEE
ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÁT HÀNH THƯ TÍN DỤNG DỰ PHÒNG / BẢO
LÃNH**

J.P.Morgan

To: **JPMorgan Chase Bank, N.A.,
Ho Chi Minh Branch (the "Bank")**
Kính gửi: **Ngân Hàng JPMorgan Chase, N.A.,
Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh ("Ngân Hàng")**

Dated/ Ngày

We, the Customer named below, hereby request you to issue, or procure the issuance of:-
Chúng tôi, là Khách Hàng có tên dưới đây, thông qua đây đề nghị quý Ngân Hàng phát hành hoặc bảo đảm việc phát hành:-

- ☐ standby letter of credit ☐ bank guarantee (hereinafter called the "**Undertaking**") in accordance with the instructions below:-
thư tín dụng dự phòng bảo lãnh ngân hàng (sau đây gọi là "**Cam Kết**") theo các chỉ thị dưới đây:-

We confirm as of the date of this Application that the information on related persons that we have provided to you remains unchanged/Chúng tôi xác nhận vào ngày của Đơn Đề Nghị này rằng thông tin chúng tôi đã cung cấp cho quý Ngân Hàng về người có liên quan vẫn không thay đổi.

**Issuance Request to the Bank:
Đề nghị phát hành gửi cho Ngân Hàng:**

- ☐ Please issue the Undertaking in favour of the Beneficiary
Vui lòng phát hành Cam Kết vì lợi ích của Bên Thụ Hưởng
- ☐ Please request and/or procure another branch of the Bank or another bank selected by the Bank to issue the Undertaking in favour of the Beneficiary (against counter-guarantee, counter-indemnity, indemnity or undertaking (however named or described) by the Bank)
Vui lòng yêu cầu và/hoặc đảm bảo một chi nhánh khác của Ngân Hàng hoặc một ngân hàng khác được Ngân Hàng lựa chọn phát hành Cam Kết vì lợi ích của Bên Thụ Hưởng (đối với bảo lãnh đối ứng, bồi hoàn đối ứng, bồi hoàn hoặc cam kết (bất kể được đặt tên hoặc mô tả như thế nào) bởi Ngân Hàng)
- ☐ Please request and/or procure the following issuing bank to issue the Undertaking in favour of the Beneficiary (against the Bank's counter-guarantee, counter-indemnity, indemnity or undertaking (however named or described) by the Bank)
Vui lòng yêu cầu và/hoặc bảo đảm ngân hàng phát hành sau đây phát hành Cam Kết vì lợi ích của Bên Thụ Hưởng (đối với bảo lãnh đối ứng, bồi hoàn đối ứng, bồi hoàn hoặc cam kết của Ngân Hàng (bất kể được đặt tên hoặc mô tả như thế nào) bởi Ngân Hàng)

Name, address and SWIFT Code of Issuing Bank:/Tên, địa chỉ và mã SWIFT của Ngân Hàng Phát Hành: _____

Applicant (Name and Address) Bên Đề Nghị Phát Hành (Tên và Địa chỉ)	Beneficiary (Name and Address) Bên Thụ Hưởng (Tên và Địa chỉ)
--	--

Currency and Amount of Undertaking:/Đồng tiền và số tiền Cam Kết: _____

**Advice of the Undertaking:
Thông báo về Cam Kết:**

Please notify through your correspondent / advising bank:/Vui lòng thông báo qua ngân hàng đại lý / ngân hàng thông báo của quý Ngân Hàng: _____ (Name of Bank and/or Branch, address, swift code/Tên Ngân hàng và/hoặc Chi nhánh, địa chỉ, mã SWIFT)
by ☐ Mail / Air Mail ☐ SWIFT in full ☐ SWIFT briefly, details by airmail.
bằng Thư / Thư hàng không nội dung đầy đủ qua SWIFT nội dung rút gọn qua SWIFT, thông tin chi tiết bằng thư hàng không.

**Governing Rules of the Undertaking:
Quy tắc điều chỉnh của Cam Kết:**

(Standby letter of credit)
(Thư tín dụng dự phòng)

- ☐ Uniform Customs and Practice for Documentary Credits of International Chamber of Commerce as are in effect on the issuance date of the Undertaking; or
Quy Tắc Thực Hành Thống Nhất Về Tín Dụng Chứng Từ của Phòng Thương Mại Quốc Tế có hiệu lực vào ngày phát hành Cam Kết; hoặc
- ☐ International Standby Practices ("ISP 98") of International Chamber of Commerce as are in effect on the issuance date of the Undertaking.
Quy Tắc Thực Hành Quốc Tế Về Thư Tín Dụng Dự Phòng ("ISP 98") của Phòng Thương Mại Quốc Tế có hiệu lực vào ngày phát hành Cam Kết.

(Bank guarantee)
(Bảo lãnh ngân hàng)

- ☐ Uniform Rules for Demand Guarantees of the International Chamber of Commerce ("URDG") as are in effect on the issuance date of the Guarantee; or
Bộ Quy Tắc Thống Nhất Về Bảo Lãnh Theo Yêu Cầu của Phòng Thương Mại Quốc Tế ("URDG") có hiệu lực vào ngày phát hành Bảo Lãnh; hoặc
- ☐ International Standby Practices ("ISP 98") as are in effect on the issuance date of the Guarantee; or
Quy Tắc Thực Hành Quốc Tế Về Thư Tín Dụng Dự Phòng ("ISP 98") có hiệu lực vào ngày phát hành Bảo Lãnh; hoặc
- ☐ The laws of Vietnam; or
Luật Việt Nam; hoặc
- ☐ The laws of beneficiary's country (if acceptable to the Bank).
Luật của quốc gia của bên thụ hưởng (nếu Ngân Hàng chấp nhận).

Required documents:
Các Chứng từ cần thiết:

Beneficiary's signed statement certifying that:
Tuyên bố đã ký của Bên Thụ Hưởng
chứng thực rằng

Other documents/
Các Chứng từ khác

(If special documents are required, please specify names of issuers)
(Nếu các chứng từ đặc biệt được yêu cầu, vui lòng ghi rõ tên của tổ chức phát hành)

- ☐ Undertaking Format attached.
Mẫu Cam Kết được đính kèm.

Partial drawings are ☐ allowed ☐ not allowed.
Việc thanh toán từng phần được cho phép không được cho phép.

All charges, commissions and expenses are for account of/Tất cả các khoản phí, hoa hồng và chi phí đều được tính cho _____

The Undertaking shall expire on/at/

Cam Kết sẽ hết hạn vào

(Month/Day/Year)
(Tháng/Ngày/Năm)

tại

(Place)
(Địa điểm)

Claim Period under the Undertaking: / Thời Hạn Yêu Cầu Thanh Toán theo Cam Kết: _____

Unless otherwise stated herein, you may authorise documents to be sent to you in one lot.
Trừ khi có quy định khác trong đơn đề nghị này, quý Ngân hàng có thể ủy quyền gửi các chứng từ cho quý Ngân hàng vào một lần duy nhất.

Special Instructions / delivery instructions: /

Các chỉ thị đặc biệt / các chỉ thị về giao nhận:

Information required for sanctions screening purpose

Thông tin cần thiết cho mục đích rà soát cấm vận

1. Goods/Services description
Mô tả hàng hóa/dịch vụ
2. Port of loading (or ship/provided from)
Cảng xếp hàng (hoặc vận chuyển/cung cấp từ)
3. Port of discharge (or ship/provided to)
Cảng dỡ hàng (hoặc vận chuyển/cung cấp đến)
4. Country of origin of the goods/services
Quốc gia xuất xứ của hàng hóa/dịch vụ

In case of any queries, please contact: / Trong trường hợp có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ: name: / tên: _____ at telephone no: / theo số điện thoại: _____

(Customer Name)
(Tên Khách Hàng)

(Address)
(Địa chỉ)

(A/C No.)
(Số tài khoản)

<i>(Authorized Signature(s))</i>	<i>(Name(s) and Title(s) of Signatory(ies))</i>
<i>((Các) chữ ký được ủy quyền)</i>	<i>(Tên và chức danh của (những) người ký tên)</i>